

NHIỀU TÁC GIẢ

Vấn Đáp

THIỀN

Biên dịch: Thuận Bạch

2000

THIỀN ?

1. THIỀN TỪ ĐÂU ĐẾN: ÁN ? HOA ? NHẬT?

Hỏi (Sinh viên Nhật): Tôi xin lỗi về sự vô phép của mình. Tôi thấy một chiếc chiếu treo trên tường. Đối với tôi thật là kỳ cục, vì người Nhật không bao giờ làm như thế. Không khi nào thấy như thế trong các thiền viện ở Nhật. Tôi xin được phép hỏi tại sao thầy làm như vậy?

Đáp: Ý định của chúng tôi là tạo cho bức tường một màu sắc trung hòa và không bắt mắt.

Hỏi: (Sinh viên Hoa nói với sinh viên Nhật): Theo bạn hình như người Nhật làm việc gì thì đó là Thiền. Nhưng bạn đừng quên rằng điều mà người Nhật gọi là Thiền xuất xứ từ Trung Hoa.

Hỏi: (Sinh viên Ấn nói với hai sinh viên kia): Cả hai bạn đều quên rằng Đức Phật là người Ấn chẳng phải Hoa, chẳng phải Nhật. Đạo Phật ra đời không phải ở Trung Hoa hoặc Nhật Bản mà ở Ấn Độ.

Đáp: Cả ba bạn đều nên nhớ rằng truyền thống Hoa Kỳ là ứng dụng một cách tự do mọi truyền thống khác. Mỗi dân tộc đã đổ dòng nước văn hóa Phật giáo của xứ sở mình vào đại

dương của đạo Phật. Những dòng nước này đã giải tỏa lòng khao khát cầu đạo của nhiều người Mỹ. Phật đạo trùm khắp và siêu vượt mọi nền văn hóa. Ta không chỉ gặp Phật ở Ấn, Hoa hay Nhật, mà nơi nào có con người - dù nam hay nữ - biết tôn kính Như Lai và sống tùy hợp với Phật Pháp thì nơi đó có Phật.

Hỏi (sinh viên Miến): Nếu như thế Đức Phật cũng hiện diện trong xứ tôi. Miến Điện có khoảng chín mươi ngàn tỷ kheo và đều được cả nước tôn kính. Chúng tôi thờ Phật trong chùa và trong nhà. Chúng tôi tôn kính Phật như đấng thiên liêng ở mọi thời đại.

Đáp (Sinh viên Miến): Bạn có tọa thiền không?

Hỏi (Sinh viên Miến): Thừa thầy, chương trình học của tôi tại đại học rất nặng, tôi không đủ thời giờ dù rất muốn tọa thiền.

Đáp: Phật cũng có ở Miến Điện đấy, nhưng chính bạn phải khám phá. (Với sinh viên Hoa) Còn bạn?

Hỏi (Sinh viên Hoa): Tôi cũng muốn tọa thiền, nhưng anh bạn đồng lớp ở chung cứ nghe đĩa hát cả ngày lẫn đêm. Anh ta chẳng học hành bao nhiêu, và làm tôi phát điên. Phải chi anh ta cũng thích tọa thiền!

Đáp: Đối với bạn, Phật cũng còn xa lạ, (nhìn sang sinh viên Ấn).

Hỏi (Sinh viên Ấn): Gia đình tôi theo Ấn giáo, nhưng chúng tôi vẫn nhìn nhận lời Phật dạy không khác với Thánh kinh của chúng tôi.

Đáp: Không có tọa thiền trong Ấn giáo phải không?

Hỏi (Sinh viên Ấn): Có chứ, thưa thầy. Nhưng tôi không có thì giờ để hành thiền vì tôi còn phải tập Hatha Yoga.

Đáp: Đức Phật Thích-ca có dạy Hatha Yoga không?
(Với sinh viên Nhật) Bạn có tọa thiền không?

Hỏi (Sinh viên Nhật): Dạ không, thưa thầy. Tôi chưa biết phải làm sao, xin thầy vui lòng chỉ dạy.

Đáp: Bạn vừa nhận xong bài học thiền vỡ lòng rồi đấy!

*

2. CÓ THỂ TU THIỀN MÀ VẪN KHÔNG BỎ ĐẠO GỐC CỦA MÌNH ĐƯỢC CHĂNG?

Hỏi: Tôi là người Do Thái, rất tự hào và tin tưởng về tôn giáo của mình. Tôi có thể tu thiền và vẫn giữ đạo gốc của mình không?

Đáp: Trước khi theo đạo Do Thái, bạn là ai?

Hỏi: Tôi không biết!

Đáp: Hãy tìm xem! Lúc đó đức tin tôn giáo của bạn không ở trong tâm bạn sao?

Hỏi: Làm thế nào để tìm gặp?

Đáp: Hãy tự vấn ngày và đêm, với lòng khao khát tìm hiểu và tin chắc mình sẽ hiểu được. Cố tập cách sống như cá lội trong nước, như chim bay trên trời, một cách vô tư hồn nhiên. Hãy tỉnh giác và biết ứng phó với mọi trạng huống. Bàn tay trái phải biết rõ bàn tay mặt làm gì. Tránh phán đoán dư thừa và không cần thiết. Hãy khiêm cung, đừng kiêu mạng, chỉ đưa ý kiến khi có người hỏi đến. Hãy quên đi hành động thiện và sám hối hành động ác. Và đừng bao giờ quên mọi quả báo đều đến từ nhân đã gây ra.

Hỏi: Tôi có thể hành trì theo mọi điều trên mà vẫn giữ đạo Do Thái không?

Đáp: Cũng được, nếu bạn làm nổi, tùy ý, nhưng mà...

Hỏi: Tôi có thể hành thiền mà vẫn giữ đạo Ky-tô không?

Đáp: Bạn vẫn có thể giữ đạo cũ được khi hành thiền, nhưng tu thiền theo đạo Phật thì không thể được.

Hỏi: Tại sao, thưa thầy?

Đáp: Tu thiền theo đạo Phật nghĩa là siêu vượt cái ngã, và siêu vượt cái ngã tức là vong ngã. Như thế bạn sẽ không còn là tín hữu Ky-tô, cũng không là hành giả Phật tử.

Hỏi: Vậy tôi là ai?

Đáp: Đúng vậy, bạn là ai?

3. CÚNG DƯỜNG PHẬT CÓ PHẢI LÀ DUA NỊNH?

Hỏi: Thầy thường nhắc rằng Thiên là một tôn giáo, dù không có tín điều cũng chẳng có đức tin. Nhưng thầy không đề cập đến sự cầu nguyện. Một tôn giáo không có cầu nguyện chẳng khác gì cá không có nước.

Đáp: Lý do mà bạn không nghe nói về cầu nguyện vì ít ai đặt câu hỏi đó. Nhưng bạn có lý. Cầu nguyện là nhựa sống, là máu thịt của tôn giáo. Khi nào cầu nguyện đòi hỏi định tâm, ta có thể bảo mọi tôn giáo đều hàm sẵn yếu tố thiên.

Đại để có ba loại cầu nguyện: lời khẩn cầu trong đó người ta xin xỏ một cái gì đó; lời khẩn cầu cứu độ trong đó ta xin được giúp đỡ cứu vớt để tự mình hoàn thành một việc gì đó; và lời khẩn cầu tuyệt đối trong đó ta không van xin một thứ gì, mà đúng ra ta chỉ trở thành “một” với đấng thiêng liêng, đức Phật hoặc Bồ-tát.

Một câu chuyện cổ giúp ta dễ hiểu sự khác nhau giữa kiểu cầu nguyện thứ nhất và thứ hai. Có ba chàng lưu linh lưu địa khác với nhau làm sao để moi cho ra một con ngỗng quay trong bữa tiệc tối Giáng Sinh. Tên thứ nhất đưa ý kiến:

- Tại sao ta không cầu xin Chúa?

Tên thứ hai do dự:

- Mỗi khi tôi cầu xin Chúa việc gì đều không được như ý.

Còn tên thứ ba lên giọng kể cả:

- Vì anh không biết cách xin, chớ đối với tôi lúc nào Chúa cũng ban cho như ý.

Cả hai tên kia ngạc nhiên đồng thanh hỏi:

- Vậy sao? Anh cầu nguyện ra sao?

- Có gì đâu! Tôi không xin Chúa ban cho một thứ gì hết mà chỉ xin Chúa phán tôi đi tìm, và lúc nào tôi cũng được như ý.

Kẻ sơ cơ học Thiền thường cầu xin chư Phật cho mình sức mạnh để buông bỏ tham ái và vọng tưởng, để họ có thể tinh tấn tu hành. Tuy nhiên ta không thể van xin chư Phật ban cho giác ngộ. Ta cũng không yêu cầu Phật bảo hộ mình trước quả báo do đã điên rồ tạo nghiệp, mặc dù nhờ cầu nguyện ta có thể tạo được quyết tâm kiên trì tọa thiền để từ đó chuyển nghiệp.

Cúi lạy trước chư Phật và Bồ-tát cũng như dâng cúng các ngài hương hoa cũng là một kiểu cầu nguyện trong Thiền tông.

Hỏi: Phải chăng dâng cúng Phật hương hoa là hình thức nịnh bợ, xin lỗi vì đã dùng từ này?

Đáp: Cử chỉ lễ bái biểu lộ lòng tri ân đối với chư Phật; đồng thời là một cách tỏ lòng tôn kính và tán tụng ngài. Nghi thức này giúp phát sinh mối cảm ứng với chư Phật, một sự liên kết trên mặt nghiệp thức, có thể nói như vậy, nhằm phát triển tín tâm và chân lý của giáo pháp Như Lai, và như thế sẽ củng cố sự tuân hành nghiêm trì giáo Pháp.

Hỏi: Xin thầy giảng về sự cầu nguyện tuyệt đối.

Đáp: Vâng, trong sự cầu nguyện tuyệt đối ta không cầu xin một thứ gì hết, bởi vì tận thâm cùng chẳng có ai cầu chẳng có ai đáp. Trong cơn tuyệt vọng hoặc bị tổn hại mất mát, nếu ta ngồi trước tượng Phật chiếu sáng hào quang từ bi và trí tuệ, ta có thể khai mở tâm lực tỉnh giác. Chính tâm lực này là cảm ứng đạo giao với vị Phật tự tâm của chúng ta, khiến chúng ta phấn khởi và mạnh mẽ hẳn lên.

Hỏi: Thầy bảo rằng trong Thiên tông không có cầu nguyện để xin xỏ. Tại sao?

Đáp: Bởi vì kiểu cầu nguyện đó có thể thoái hóa thành một sự đổi chác ích kỷ đối với Phật, “Xin Phật ban cho con điều này, con hứa sẽ thành người tốt”. Kiểu cầu nguyện như thế sẽ bành trướng bản ngã thay vì giảm bớt, sẽ khuyến khích mình lệ thuộc vào quyền lực bên ngoài thay vì tự mình nỗ lực. Tương tự như khi ta đến xin cha mẹ mỗi khi cần tiền thay vì tự mình xoay sở kiếm lấy.

Cho đến nay tôi còn nhớ rõ trong đầu một đêm cách đây hai mươi lăm năm. Trong một tu viện, tôi đã cúi lạy trước tượng Phật cầu xin: “Lạy Chúa, lạy Phật, cúi xin ngài ban cho con sự giác ngộ. Và con sẽ khiêm cung và hạ mình ngày trước chân ngài...”. Đến sáng hôm sau tôi cũng chẳng thấy giác ngộ gì hết, tín tâm đối Phật - tuy trước giờ cũng không mạnh lắm - bỗng chốc mất hết. Tôi không đạt được gì ngoài cái ngã đầy ứ tuyệt vọng, chán chường và nhất là oán giận vị thầy đã xúi tôi không những thức suốt đêm thậm chí còn bảo cầu nguyện liên tục. Phải hết mấy năm tôi mới lấy lại được niềm tin.

Hỏi: Nhưng đâu có phải lúc nào chúng ta cũng vững mạnh, phải không? Đôi lúc cũng cần người khác hỗ trợ?

Đáp: Chính thế. Ví dụ một người gãy chân cần đến thầy thuốc, thường khi cần gia đình giúp đỡ và đôi nạng. Nhưng nếu người đó cứ tiếp tục dùng nạng hoài trong khi có thể đi một mình được thì sẽ yếu đi, thay vì lấy lại được sức mạnh. Dù sự giúp đỡ đôi khi cũng cần thiết, nhưng không thể thay thế được nỗ lực của chính mình.

Hỏi: Tôi đọc đâu đó lời cầu nguyện: “Lạy Chúa, nếu Chúa thực có xin cứu vớt linh hồn con - nếu linh hồn con cũng có”. Thiên tông nghĩ gì về Thượng Đế?

Lão sư vẫn lặng thinh.

*

4. ĐỨC QUÁN THẾ ÂM , BỒ-TÁT CỦA TỪ BI CÓ THỰC HAY KHÔNG?

Hỏi: Năm ngoái, tôi có giảng về Phật Pháp nhập môn trong đó có một bài về kinh Pháp Hoa, đức Phật dạy nếu trên thế gian có ai bị lửa đốt, nước cuốn thì niệm Quán Thế Âm sẽ được cứu khỏi. Nếu thầy xác nhận có Bồ-tát Quán Thế Âm thì xin chỉ cho tôi Ngài ở đâu?

Đáp: Để gặp Ngài tận mặt chỉ cần bạn hành động vô tư. Quán Thế Âm chính là hiện thân trái tim từ bi của bạn; tuy nhiên nói như thế chỉ phân nửa sự thật. Phân nửa còn lại bao

hàm sự kiện Quán Âm là một thực tại hiện tiền đáp ứng mọi lời cầu cứu của bất cứ ai đặt tín tâm nơi Ngài. Quán Thế Âm không phải là nhân vật huyền thoại, mà là lòng từ bi nguyên mẫu tuyệt đỉnh của chúng sanh. Nói về Ngài ta có thể mượn lời Voltaire nói về Thượng Đế rằng: Nếu Thượng Đế không hiện hữu ta bắt buộc phải tạo ra người .

Hỏi: Quán Thế Âm đã sống một thời gian lâu dài, như vậy khi thầy bảo đó là một thực tại hiện tiền có phải ngụ ý là một biểu trưng?

Đáp: Quán Thế Âm là một trong những đệ tử tu chứng thật cao của Đức Phật. Vì tự tâm Ngài hàm dung tất cả lòng từ bi vô biên vô lượng, do đó nhạy cảm với khổ đau nhân thế, Phật đặt tên Ngài là “Lắng nghe tiếng than khóc của nhân gian”. Ngài đã phát nguyện cứu độ chúng sanh nguy khốn tuyệt vọng và - với trí tuệ siêu việt và thần thông - Ngài hoàn thành sứ mạng linh ứng. Trong ảnh tượng Phật giáo Ngài hiện hình ngàn mắt ngàn tay để thấy nghe khắp và cứu độ khắp.

Hỏi: Ai cũng phải chết. Tại sao thầy nói về Quán Thế Âm như là còn sống?

Đáp: Theo định luật bảo tồn năng lượng thì không có năng lượng nào tiêu mất, vậy tại sao bạn cho rằng Quán Thế Âm phải chết?

Trước khi tôi vào thiền viện, một người bạn bảo tôi: “Khi nào anh dẫn thân vào Phật đạo với chân tình và nhiệt tâm thì chư vị Bồ-tát sẽ ứng hiện mọi nơi để hộ độ anh”. Điều này quả

đã xảy ra, và lòng tri ân chư vị Bồ-tát quá đồi lớn lao khiến tôi không thể nói thành lời. Tôi đã gặp Bồ-tát ở Nhật, Ấn, Miến, và tại xứ sở chúng ta (Hoa Kỳ). Một khi tôi không gặp các Ngài nữa thì tôi biết rằng chân tình của tôi đã lệch lạc và nhiệt tâm của mình đã suy giảm.

Bạn nên nhớ rằng lực đáp ứng của Quán Thế Âm trực tiếp tỷ lệ với tấm lòng khai mở của bạn trước mặt Ngài - có nghĩa là tùy theo tính khiêm cung và mức độ vong ngã của bạn. Nếu bạn kêu cứu với Quán Thế Âm một cách vô tư, tin vào trí và bi của Ngài, bạn chắc chắn sẽ được đáp ứng, bởi vì Ngài sẽ động lòng hướng đến bạn theo tiến trình có cảm có ứng.

Hỏi: Tôi nhận thấy trong điện thờ Quán Thế Âm có ba bồ đoàn đặt trước tượng thờ. Tại sao có người tọa thiền ở đây thay vì trong thiền đường?

Đáp: Bởi vì trong lương tri nhân gian lòng bi mẫn và mối thiện cảm liên kết trực tiếp với Bồ-tát Quán Âm hơn là với đức Phật, những người nguy khốn thấy gần gũi với Quán Âm. Trong các nước Phật giáo Á Châu, Phật tử xem đức Quán Âm như một phụ nữ, lòng bi mẫn và từ ái dĩ nhiên thường được gán ghép cho đàn bà hơn đàn ông. Về đối tượng của lòng kính mộ, có lẽ đức Quán Âm hơn hẳn Đức Phật.

Hỏi: Giả sử trước khi quân lực đồng quân đồng minh đến, Hitler đã kêu cứu với đức Quán Âm để độ thoát tai họa sắp giáng xuống. Đức Quán Âm sẽ cứu ông ta dù biết bao khổ não ông đã gây ra cho hàng bao triệu người? Và nếu đức Quán Âm đã giải cứu Hitler, khiến ông ta thoát khỏi quả báo thì phải

chăng công lý đã bị gian lận, thuyết nghiệp báo thành lố bịch, không còn đúng nữa?

Đáp: Vâng, thuyết nghiệp báo sẽ không đúng nữa. Nhưng điều này đã không xảy ra. Bạn có thể hỏi tôi tại sao?

Hỏi: Đồng ý, tại sao thế?

Đáp: Bởi vì kinh Pháp Hoa bảo chỉ có ai cầu cứu với niềm tin triệt để mới được cứu giúp. Một kẻ độc tài điên khùng như Hitler có làm nổi chuyện đó không?

Kinh Pháp Hoa không nói gì về tiêu cự nghiệp, bạn yên tâm, Hitler sẽ phải trả quả báo cũng như mọi người khác. Ông ta đã trả một phần qua cái chết khủng khiếp và ta chỉ còn biết lo sợ giúp cho ông vì địa ngục đang mở cửa chờ rước ông.

Hỏi: Kêu gọi như thế nào để được đức Quán Âm giải cứu?

Đáp: Bồ-tát Quán Âm ứng hiện nhiều khi lạ thường và huyền hoặc. Ví như có một tên trộm cầu xin với Ngài:

- Ôi! Đại từ bi! Hay che chở con. Nếu người ta bắt được con, con sẽ bị tù, gia đình khổ sở.

Đồng thời, nạn nhân của hắn có thể quỳ trước Ngài khóc lóc:

- Ôi! Bồ-tát Quán Âm! Với quyền năng tối thượng hãy giúp cho cảnh sát tìm bắt tên trộm khốn kiếp đã cuỗm hết vốn liếng chắt chiu dành dụm cực khổ và hãy trị tội hắn thật đích đáng.

Đến phiên viên cảnh sát có trách nhiệm với vụ trộm thì lại kêu cứu:

- Bồ-tát Quán Âm ơi! Hãy giúp con bắt cho được tên bắt lương để con mau thăng quan tiến chức.

Vậy đức Quán Âm sẽ nhận lời cầu cứu của ai đây? Dù cho tên trộm cầu nguyện thành khẩn và kiên trì đến đâu, ai dám xin cứu hấn khỏi hậu quả hành động của hấn, hấn phải trả quả báo và chịu khổ ách sắp đến. Nhưng khổ nạn sẽ giảm nhẹ nếu hấn trả lại của đã trộm, thực lòng sám hối tội lỗi và quyết tâm hoàn lương sau này. Như vậy kẻ tạo nghiệp dữ bỗng nhiên chịu cái tà quy chánh. Đó là câu trả lời của đức Quán Âm theo tiếng kêu cứu của tên trộm. Cũng có thể nạn nhân mất trộm suy nghĩ và thành linh nhận ra vụ trộm này là quả báo từ nhân xấu quá khứ, như thế người ấy nhận một phần trách nhiệm về mình. Điều này sẽ biến đổi tình cảm trong lòng người ấy và làm dịu đi ý nghĩ muốn trừng phạt. Đó là câu trả lời của đức Quán Âm đối với sự cầu nguyện của người mất của. Viên cảnh sát có lẽ cũng hiểu ra rằng kêu gọi đức Quán Âm giúp mình bắt tên trộm vì danh lợi cho riêng mình chẳng tốt lành gì, do đó sẽ tự mình cố gắng thi hành nhiệm vụ. Đó cũng là câu trả lời của Bồ-tát Quán Âm.

Như bạn đã thấy, có sự khác biệt vi tế giữa sự ban ơn vị kỷ của đức Quán Âm - tức là chỉ có giúp đỡ suông - với chính trái tim mỗi người mở rộng vì lòng từ bi.

Hỏi: Phải chăng trong quá trình tu thiền có một giai đoạn không cần đến cúng lạy đức Phật và Bồ-tát Quán Thế Âm mà chỉ có tọa thiền?

Đáp: Đức Phật và Bồ-tát Quán Thế Âm có thể được xem như chiếc bè qua sông đến bờ bên kia, nhưng qua sông rồi ta không cần phải nương tựa hay cưu mang chiếc bè nữa.

Hỏi: Một tín hữu Ky-tô phải yêu thương người khác như yêu thương chính mình. Trong Phật giáo có điều răn nào khuyên bảo phải có tâm từ không?

Đáp: Không, Không có điều răn nào. Lòng từ bi thực sự đặt trên sự nhận thức rằng: “Khi Marthe đau chân ở Paris thì Michel cảm thấy đau đớn ở Marseille”, thì tại sao lòng từ bi phải cần chỉ đạo như một bản phạn đạo đức?

Hỏi: Câu “Marthe đau chân...” *nghĩa là?*

Đáp: Chúng ta nên triết lý một chút. Mỗi tương quan của tất cả sinh mạng với nhau theo kinh điển được minh họa thành một mạng lưới khổng lồ trùm khắp tất cả cõi giới. Các đường thẳng đứng tượng trưng cho thời gian, đường nằm ngang cho không gian. Chỗ nào hai đường giao nhau trong mạng lưới bất tận này sẽ xuất hiện một viên ngọc tượng trưng một cuộc đời. Trên mặt cắt của mỗi viên ngọc phản chiếu những viên khác, như thể châu ngọc chiếu qua chiếu lại và giao thoa lẫn nhau. Những phản chiếu hỗ tương không bao giờ dứt này ở mức độ nào đó vẫn độc lập với nhau dù cùng một lúc nối kết với nhau như một tổng thể. Chính do nhận thức về sự quan hệ hỗ tương căn để này mà phát sinh lòng đại từ đại bi của nhà Phật, như một dòng sông được nuôi dưỡng từ một nguồn suối. Nếu không có sự nhận thức này, cô đơn và sợ hãi sẽ đến ngay. Sự gắn bó thâm cảm với đức Quán Âm sẽ làm phân tán một cách

dễ chịu mọi chướng ngại, để cho dòng nước trí tuệ và từ bi tự do tuôn chảy. Đó là phép màu của đức Quán Âm.

Hỏi: Hình như người Phật tử tu thiền không tin vào phép màu?

Đáp: Phép màu không cần phải giải thích là rất đúng với quy luật tự nhiên - nhưng cần phải có tin tâm.

*

5. TU THIỀN CÓ NÊN ĐỌC SÁCH HAY KHÔNG?

Hỏi: Có hai vấn đề về đọc sách làm tôi bối rối. Thầy đã bảo rằng muốn giác ngộ ta phải dừng bật nghĩ suy về mình và về người khác, buông hết trò chơi ý niệm, và thầy cũng cho rằng đọc sách - vì lỗi cuốn tư tưởng và ý niệm phiêu lưu - cũng nên chấm dứt luôn. Sách vở cho biết rằng có nhiều học giả trong số những thiền sư Trung Hoa thời xưa và Nhật Bản, rõ ràng là các vị đã từng nghiên cứu, đọc sách.

Vấn đề thứ hai thuộc về trường hợp cá nhân. Tôi đang học về môn tâm thần do đó không có cách nào khác hơn là phải đọc nhiều, không chỉ trong chuyên ngành của tôi mà còn phải tham khảo những lãnh vực có liên quan.

Đáp: “Đọc trong lãnh vực có liên quan” là sao?

Hỏi: Nghĩa là, muốn hiểu bài toán con người ở các nước khác nhau, ta cần phải thông thạo cách họ biểu lộ, kiểu họ tư duy. Tức là phải đọc sách, nhưng nếu đọc sách chướng ngại

cho sự tham thiền và tôi bắt buộc phải bỏ đọc sách, kể cả báo chí chuyên môn kỹ thuật, thì làm sao tôi tiến bộ trong nghề nghiệp và giúp đỡ bệnh nhân đắc lực hơn?

Đáp: Tôi có nói là nên buông bỏ kiểu đọc sách bất kể, không chọn lọc phân biệt, chớ không phải bỏ hẳn không đọc gì hết. Những sinh viên như bạn hay những người có ngành nghề chuyên môn nào đó đều cần đọc và học; bạn nên xem những hoạt động nghề nghiệp đó như một phần của sự tham thiền. Bạn ngồi thiền đều đặn, chú tâm, lóng lạng, tỉnh thức và cảm xúc sẽ giúp bạn đạt được năng lực hiểu biết và ghi nhớ những gì đã học. Nhiều hội viên của Trung Tâm Thiền đều là sinh viên, thầy giáo, hoặc hành nghề tự do.

Hỏi: Theo thầy đọc sách “không chọn lọc” nghĩa là gì?

Đáp: Đọc không chọn lọc phân biệt là đọc một cách thái quá và vô độ đủ thứ báo chí, tập san, tiểu thuyết hoặc các bài viết không tập trung hay chẳng liên quan gì đến công việc hay sự học của bạn. Xin lưu tâm đến chữ “thái quá”. Bạn có bao giờ để ý thiền hạ ở trạm xe buýt, trong phi trường hay trên phi cơ? Họ thường đi một mình và chỉ biết cắm đầu cắm cổ vào một tờ báo, tuần san hay quyển sách. Ít ai biết thiền định hay chỉ cần ngồi yên. Đọc sách làm tiêu hao năng lượng, trong khi tọa thiền bảo toàn và tập trung năng lượng. Trong khi tọa thiền bạn có thể để trọng tâm của thân trụ tại đan điền ở dưới rốn ba lóng tay. Như thế bạn tạo cho mình một nguồn năng lượng và mang sức sống mạnh khỏe đến toàn thân. Cách thức này diễn tiến y như một máy phát điện nạp điện vào bình tụ điện.

Thầy tôi thường bảo các thiền sinh là càng ít đọc triết lý về Thiền thì càng mau đạt ngộ. Tại sao? Bởi vì đọc loại sách này càng dồn đống vào đầu nào ý niệm nào tư tưởng đặc cứng dính chặt. Lão sư Harada, cũng là một vị thầy, đã nói đến sự chứng ngộ có một không hai của Lục Tổ khi nghe một tăng sĩ du phương tụng đọc kinh Kim Cang, khế hợp tuyệt diệu với tình trạng không biết chữ của Tổ - tức là tâm hoàn toàn trống sạch những tư biện vô ích do học hỏi trong sách vở.

Chúng tăng trong thiền viện được khuyên bảo chỉ nên đọc hành trạng chư tổ và thiền sư mặc dù họ cũng có học thuộc một số kinh kệ để tụng đọc. Đã được thân cận với một vị thầy, từ người đó họ có thể nghe được đạo lý thì họ không cần phải lượm lặt, mài mò trên sách vở nữa. Thiền nhân mạnh: “Hãy nghe đạo lý, phát tín tâm và hành trì.” “Nghe” đạo lý bởi vì đạo lý nói ra từ miệng một người đã giác ngộ sẽ chấn động mạnh mẽ đến đổi một bài viết dù hay khéo đến đâu cũng không bằng.

Ta nên biết rằng đọc sách thái quá chẳng khác gì uống thuốc quá liều, sẽ làm đầy đặc tâm trí và cùn lệt khả năng sáng tạo tâm linh. Đọc sách không chọn lọc phân biệt có thể nuôi dưỡng sở thích hiểu biết tin tức hão huyền và thỏa mãn tính kiêu căng thấy mình có nhiều kiến thức, và còn dễ thêm những tính khí khác không đưa đến sự tiến tu. Trí tuệ chơn chánh đích thực chính là khả năng đọc được văn tự thư liệu không viết ra bằng chữ. Nietzsche ghi nhận rằng khi mắt ông đã mờ kém, khó đọc sách thì lúc đó ông bắt đầu đọc về chính mình.

Đọc sách và tham thiền không bổ túc cho nhau. Một số lượng lớn chữ nghĩa dù mang tính thực tế hay lý thuyết làm mệt mỗi trí óc và gây bực bội cho thân, do đó sẽ khiến tê liệt ý chí tham thiền. Sau khi tọa thiền, bù lại bạn sẽ thấy tâm trí mình mãi bấn nhay, và bạn không còn muốn cưu mang bóng dáng của bất cứ quyển sách nào.

Hỏi: Nhưng tôi nghĩ rằng cũng nên đọc lời dạy của tổ sư và cũng lợi lạc nếu học hỏi kinh điển Phật Pháp.

Đáp: Nếu bạn tu tập kề cận với một bậc thầy, bạn có thể suy ra lý thiền. Tâm trí càng rơi rụng hết sự kiến thực tế lẫn lý thuyết thì càng thu nhận giáo pháp một cách tinh túy và bạn càng mau tiến tu. Sau khi chứng ngộ, xem kinh Phật hay ngữ lục tổ sư vẫn thấy là rất cần thiết. Đây là trường hợp những người có bậc đạo sư chỉ dạy. Nếu bạn không được như thế cách đọc sách tốt nhất là củng cố tín tâm. Chớ rơi vào thói quen đọc hết sách này đến sách khác nói về Thiền hay Yoga, hay tôn giáo cổ truyền nào đó làm bạn cảm thấy thích thú. Dù có hay không có đạo sư, bạn cũng phải khám phá giới xứ của Thiền và học tập khép mình vào giới luật. Và một khi bạn nhận thấy chính mình bị thuyết phục rằng giới luật và hành thiền là tối cần thiết, lúc đó hay tìm minh sư và dẫn thân vào đạo.

Hỏi: Nếu tôi thích đọc tiểu thuyết thì sao?

Đáp: Việc đó tùy theo lòng khát ngưỡng chứng ngộ của bạn. Nếu bạn khao khát chứng ngộ tự tâm, bạn sẽ thúc dục vào ba giờ sáng, không phải để đọc tiểu thuyết, mà để tọa thiền, và không một thứ gì khác có thể làm bạn xao lãng.

Hỏi: Loại sách nào nên đọc khi ta muốn tu hành?

Đáp: Emerson đã nói: “Một quyển sách tốt là quyển sách làm cho ta phấn khởi làm việc.” Nếu bạn thực sự muốn chứng ngộ tâm thể chứ không phải tư duy về tâm thể, thì quyển sách tốt nhất là quyển sách chìm ngập chân lý do chính bạn tự thể nghiệm. Quyển sách tốt nhất là quyển sách đi vào lòng người, thấp sáng ngọn lửa sáng tạo và dẫn đến quyết tâm bất thoái chuyển trên con đường tiến tới giác ngộ viên mãn. Tóm lại, quyển sách tốt sẽ bùng bạn ra khỏi chiếc ghế bành và lôi bạn đến ngồi trên bồ đoàn.

*

6. LÀM SAO TÌM ĐƯỢC MINH SƯ?

Hỏi: Trong thiên hội thầy có bảo rằng không cần phải có nhiều, chỉ một thầy là đủ. Nhưng một đạo sư khác thì bảo ngược lại, trên đường đạo có nhiều thầy cũng tốt, ví như con ông hút mật từ nhiều hoa, vả lại ta vẫn có thể học y với vị thầy này và học luật với vị thầy khác, không có gì chống trái phải không?

Đáp: Hiện giờ bạn có dang theo một đạo sư nào chưa?

Hỏi: Chưa. Tôi là một con ong bay từ hoa này đến hoa khác.

Đáp: Chùng nào bạn mới làm ra mật ong?

Hỏi: Sắp đến. Tôi đang gom mật hoa nơi nơi tôi gặp được.

Đáp: Bạn đừng quên rằng ong chỉ làm ra mật khi không còn nhờn nhớ lượn hết hoa này đến hoa khác. Và bạn sẽ không có mật ong tinh chất của bông trang nếu cứ lẩn quẩn trong cây mạch hay mãi nghiêng cánh bên hoa đoạn.

Như tôi đã nói, “chạy theo” nhiều thầy “trước” khi chọn được một vị thì rất tốt. Những một khi đã dần thân hẳn làm môn đệ của một vị thầy rồi thì đừng “liếc trộm” những vị khác. Tuy nhiên một khi bạn đã hành thiền và chứng ngộ dưới sự giáo dưỡng của một vị thầy rồi thì bạn có thể rút tĩa lợi lạc.

Hỏi: Theo thầy thì “liếc trộm” là sao?

Đáp: Hãy thành thật. Man trá tâm linh cũng nặng không kém đối gạt thường tình. Nếu bạn cứ bám theo nhiều đạo sư khác nhau thì chẳng khác nào chong chóng bị gió quay tứ tung, bạn sẽ gạt hái rối ren và lộn xộn thay vì kết quả tiến tu.

Hỏi: Tức là ta phải hoàn toàn đặt mình dưới sự lãnh đạo của một vị thầy?

Đáp: Không. Bạn phải tập tư duy một cách độc lập và tự hào về trực giác và kinh nghiệm sống của riêng mình. Trước khi nhập Niết-bàn, đức Phật đã dạy hội chúng vây quanh, trong đó có người đang khóc lóc vì cảm thấy mất đi đấng Đạo Sư khả kính: “Hãy tự thấp đuốc lên mà đi.., an trú trong chánh pháp. Không nên nương tựa vào ai khác trừ chính mình”.

Trong nhà Thiền, vị đạo sư không chỉ cố gắng hướng dẫn đệ tử đi đến giác ngộ mà còn giữ mình không cho ảnh hưởng đến đệ tử. Sư không kiểm soát sự sống của môn đệ mà chỉ

nhắm hun đúc cho thiền sinh cường lực để có thể tự làm chủ cuộc đời mình thay vì nô lệ. Trong những tôn giáo khác vị thầy can thiệp mạnh vào đời sống của học trò, thậm chí còn định đoạt việc kết hôn... Lời thầy phán là giáo luật. Nếu thầy có trình độ tu trì thâm sâu thì cũng ít nguy hiểm. Nếu không, xin Chúa hãy cứu họ!

Hãy dè dặt đối với vị nào tự xưng đã giác ngộ. Cần trọng đối với người xưng mình là hóa thân, hiện thân của Thượng Đế hay đức Phật. Cần nhất là tránh xa vị “THẦY” nào cho phép đệ tử hét giữa đám đông để biểu lộ lòng thành kính và ca tụng thầy như là bậc thánh thiện nhất trong các bậc thánh. Đây là mối nguy rất lớn.

Như vậy, trước lời tán thán, một vị thầy chân chánh phải xử sự ra sao? Khi thị giả của Phật là A-nan thưa rằng: “Thời quá khứ và vị lai không đạo sư nào sánh bằng đấng Thế Tôn” thì Phật bảo: “Người có gặp hết chư Phật quá khứ chưa? - Dạ chưa. - Vậy người có biết được chư Phật vị lai không? - Dạ cũng không. - Vậy này A-nan, người thấu hiểu tâm của Như Lai chăng? - Dạ cũng không. - Vậy sao người dám nói như thế?”

Hỏi: Có phải thông thường thì lão sư phải có một chứng chỉ hay cấp bằng nào đó chứng nhận Sư có quyền chỉ dạy?

Đáp: Trò nhận từ thầy một văn bản, chứng nhận rằng mình đã chứng đạo, nhưng đó không phải là bằng cấp vì trong nhà thiền “kiến tánh khởi tu”. Thiền sinh sau khi hoàn tất những công án do thầy giao phó sẽ được “ấn khả” nhưng qua đó chưa hẳn thành một bậc thầy lão luyện, cũng như có văn bằng bác sĩ

y khoa chưa hẳn là một thầy thuốc lỗi lạc. Trong nhà thiền cũng như các tôn giáo ở Đông phương, trò sẵn sàng để dạy đạo khi được thầy bảo là đủ sức. Điều này đặt trách nhiệm nặng nề vào tay vị thầy. Nếu vị này giỏi và yêu cầu của học chúng càng cao thì sự ấn chứng sẽ bảo vệ ông ta trước đám đông. Nếu ông ta không khá, dù có hay không ấn khả, đồ đệ cũng không thể nào giỏi được.

Hỏi: Kể cũng lạ. Vậy một lão sư nếu không phải là thiền sư, có phải là nhà hiền triết không?

Đáp: Nhiều người chưa rõ về các danh xưng này. Lão sư (roshi) là vị “Đại đức giáo thọ”, tức là bậc tôn kính do tuổi tác và tư cách. Trụ trì một thiền viện hay tọa chủ một tu viện, cũng như một cư sĩ làm thầy giáo đạo, khoảng chừng năm mươi tuổi, đều có thể được gọi là lão sư, và danh xưng này tiêu biểu sự tôn kính thâm trọng. Ở Nhật “roshi” là danh vị rất tôn kính mà trò dành cho thầy, không có nghĩa là vị đó đã hoàn thành pháp học ở một trình độ nào đó, cũng không phải kinh qua một trình độ tu chứng đặc biệt.

Danh hiệu “Thiền sư” (Zen master) có nghĩa khác. Thiền sư là một bậc giác ngộ có trí huệ, liễu tri lý sắc không, và chính đời sống của vị đó phản ảnh đúng như thế. Trong quyển sách HỌC ĐẠO DỤNG TÂM TẬP viết vào năm 1235, thiền sư Đạo Nguyên định nghĩa một thiền sư là một người đã giác ngộ, sống hợp đạo và được thầy truyền tâm ấn. Theo tiêu chuẩn này ít có “lão sư” được xem là “thiền sư”. Tuy nhiên cả hai danh xưng thường dùng lẫn lộn.

Hỏi: Dù là lão sư hay thiền sư, vị ấy chắc chắn có đủ trí để biết đệ tử của mình đủ sức để dạy thiền hay không?

Đáp: Chúng ta vẫn tin thế, phải không?

Hỏi: Thế tại sao có khi đệ tử chưa đủ sức mà thầy vẫn bảo ra dạy?

Đáp: Lão sư cũng có vài khuyết điểm thuộc về nhân tính - nhưng chắc chắn là phải ít hơn người đời rất nhiều - và họ cũng có thể sai sót.

Hỏi: Thế sự chúng ngộ không xóa nổi sai sót và lỗi lầm sao?

Đáp: Không, chúng ngộ sẽ làm nổi bật sai trái! Trước khi ngộ ta thường không biết rằng mình sai và hay hợp lý hóa khuyết điểm của mình. Nhưng sau khi ngộ thì không thể như thế được, khổ thay tội lỗi sẽ hiện rõ mồn một. Dù sao đi nữa, ta vẫn quyết định mãnh liệt phải dứt bỏ. Mặc dù tâm nhãn chưa thể thanh lọc ngay những tình thức ô nhiễm, nhưng ta vẫn có thể xử sự ứng hợp với mức độ tỉnh giác của mình. Chúng ta cần thấu đáo điểm sống chết này.

Ở phương Tây người ta cứ nghĩ một lão sư ngang hàng với đức Phật, có đức hạnh tuyệt đối vẹn toàn. Trên một mặt nào đó thì quả là quá tốt ráo đối với sự tu thiền. Nhưng quan niệm lý tưởng như thế sẽ làm ta mù quáng không thấy được công đức của một lão sư. Một người Nhật chuyên tu thiền có lần nói với tôi: “Lão sư của tôi quả có khuyết điểm, nhưng so với những vị thầy khác tôi đã gặp, ông chính là người dạy thiền đúng nghĩa

và tôi rất đổi biết ơn. Nhưng than ôi, nghiệp chướng của ông quá nặng!”

Hỏi: Có một đạo sư bảo: “Thầy giáo đích thực chính là tâm ta.”

Đáp: Đó là giáo huấn tự tâm, phải không?

Hỏi: Vâng, không khác. Vậy một lão sư dạy cho ta những gì?

Đáp: Không có gì để dạy, vì bạn đã có sẵn, nhưng lão sư có thể loại trừ một phần lớn những thứ không phải chân tánh của mình như: mê tín, cố chấp, tự kiêu ngã mạn, lý luận ích kỷ, vọng tưởng điên đảo, tất cả những thứ đã giam hãm bạn trong cái kén. Và khi tâm trí đã chín muồi, vị lão sư sẽ dùng lời nói hay cử chỉ đẩy bạn đến giác ngộ. Vị lão sư lúc đó giống như gà mẹ mổ trứng cho gà con chui ra. Vị lão sư hết lòng với bạn, vừa cho tất cả nhưng lại không có gì để cho. Một thiền sư đã nói: “Tôi đến gặp thầy với hai tay không và ra về cũng với hai tay không”, để trả lời câu hỏi: “Sư đã mang theo mình vật gì?” Một thiền sư khác đáp: “Trước khi đi gặp thầy, tôi chưa hề mất. - Vậy tại sao phải đi tìm thầy? - Nếu không tìm được thầy làm sao biết rằng mình chưa từng mất?”

Như vậy ta vẫn cần đến thầy để biết rằng không có gì để học. Thế tại sao không có gì để học? Bởi vì mọi điều ta đều đã học qua biết bao a-tăng-kỳ kiếp. Tuy nhiên vị lão sư vẫn là thiết yếu. Đức Phật cũng có thầy. Vị lão sư đã chứng ngộ chính là nhân cách hóa của sự giác ngộ. Lòng từ bi và trí tuệ, đức tính

mà bạn mong mỗi sẽ hiện hành nơi mình. Bạn nên nhớ rằng vị lão sư đã từng chiến đấu vật lộn trong đau khổ, mất mát và thất vọng, những thứ mà bạn đang cảm nhận. Khi hoài nghi chụp xuống bạn, vô minh bao trùm bạn và công phu tu hành của bạn tan biến như mây khói thì vị lão sư sẽ khiến bạn đứng vững trở lại và dẫn dắt bạn về phía ánh sáng.

Một sứ mạng khác của vị lão sư là trắc nghiệm bạn xem đã ngộ chưa. Các thiền sư đã tạo ra một phương thức trắc nghiệm rất sâu sắc, bởi vì không có gì độc hại cho bằng nếu cứ lầm tưởng rằng mình đã ngộ khi chỉ mới chứng nghiệm những trạng thái nhập định với những ảo giác, ảo ảnh, ảo thanh... mà trong nhà thiền gọi là Ma cảnh. Đó là những kiểu chứng nghiệm hoàn toàn không mang tính chất chứng ngộ đích thực. Và dù cho có ngộ thực sự cũng cần có một bậc thầy để diệt tan ngã mạn nhỏ nhiệm vi tế vừa phát sinh, cũng như cảm giác mình vừa mới ngộ. Sự trắc nghiệm của vị lão sư sẽ đo lường được mức độ chứng ngộ: hoặc cạn tức kiến tánh, hoặc sâu tức triệt ngộ.

Hỏi: Người học đạo phải nghiêm túc, làm thế nào để biết đâu là minh sư đâu là kẻ khoác lác?

Đáp: Thời gian tôi ở trong tu viện và các Trung Tâm Thiền ở Đông Nam Á, tôi nghe nói rằng dù cho đã đạt tới đức tính cao quý đến đâu, nếu một đạo sư rõ ràng đang tìm cầu danh lợi hay tình cảm thân mật với đệ tử nữ, thì những uế nhiễm đó sẽ làm băng hoại lời dạy của ông ta. Nếu biết được như thế thì chỉ còn nước cao bay xa chạy.

Hỏi: Ví như có vị lão sư thật toàn bích, kẻ sơ cơ làm sao để nhận ra vị ấy đã chứng ngộ?

Đáp: Trừ phi bản thân ta đã qua sự tu tập lâu dài, bởi vì rất khó đoán chắc. Điều duy nhất chắc chắn là mối tương quan khi tham vấn với vị ấy. Tuy là điều kiện cần nhưng chưa đủ, vì ta vẫn có thể cảm thấy an lành với một người giả giọng bậc thầy, dù người do ít tu tập hay không hành trì một chút nào. Ta cũng có thể tin vào ý kiến của bạn bè đã từng trải.

“Trước khi bước vào ráng giữ hai mắt mở lớn, sau đó chỉ cần một.” Câu nói này dành cho việc lập gia đình nhưng vẫn có thể áp dụng cho tương giao thầy trò. Nhưng dù mở cả hai mắt, cũng không nên chờ đợi sự toàn bích nơi một vị thầy.

Hỏi: “Mở cả hai mắt” nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa là bạn phải hỏi ngay thầy của vị ấy xem vị ấy đã tu tập bao nhiêu lâu. Hãy đọc sách của vị ấy, và nếu bạn thích thú và hiểu được ý nghĩa thâm áo thì nên thu xếp để gặp vị ấy. Nên đặt câu hỏi, cố hiểu bằng trực giác tâm của vị ấy và biết cảm nhận lời vô ngôn siêu việt chữ nghĩa của vị ấy.

Hỏi: Nếu như có một lão sư tôi quý kính và đã giác ngộ, làm sao tôi biết chắc đó là thầy của tôi?

Đáp: Một vị lão sư dù đã ngộ hoàn toàn, có nhiều đồ chúng vẫn có thể không phải là bác thầy hợp với bạn. Tại sao? Bởi vì vị ấy chưa gây được tín tâm và lòng sùng mộ khiến bạn phải tự hạ mình cúi đầu trước vị ấy như một đứa trẻ để nhận lời giáo huấn. Bạn phải đoán chắc được rằng: “Đúng là minh sư của

tôi, người tôi đã tìm kiếm!” Thực vậy, ngay lúc bạn buột miệng la lên: “Xin cứu tôi! Tôi cần được sự giúp đỡ!” Bạn đã mở lòng đến với vị thầy như ý.

Hỏi: Trở lại câu nói của một đạo sư, tại sao ta lại không thể học thuộc với một vị này và học luật với vị khác?

Đáp: Bạn nói đến y khoa và luật khoa chứ không phải sự tu hành. Trong mọi tôn giáo, tình nghĩa thầy trò khác hẳn với mối tương giao giữa sinh viên với giáo sư đại học.

Hỏi: Khác nhau ra sao, thưa thầy?

Đáp: Ở đây tôi đã dùng từ “sinh viên”, “trò”, “giáo sư và “thầy”. Sinh viên với giáo sư, trò với thầy. Trong mối tương giao lý tưởng sinh viên giáo sư thì sinh viên kính mộ giáo sư vì ông là người nắm giữ một số nhóm kiến thức hoặc tài năng mà anh ta muốn sở đắc, còn giáo sư thì nhận thấy nơi sinh viên ước muốn và năng lực tiếp thu kiến thức mà ông ta muốn trao truyền. Mối tương giao giữa hai bên có tính khách quan không nhân tính và hạn cuộc, đặt nền tảng trên quyền lợi chung trong học vấn. Trong khi đó tình nghĩa thầy trò trong đạo vừa đậm đà nhân tính vừa thâm sâu tình người, bởi vì bắt rễ trên nghiệp lực. Sức mạnh thúc đẩy trò đến với thầy không phải vì trình độ kiến thức cũng không phải trí tuệ của thầy mà vì đức tính và nhân cách của vị ấy, bởi vì chính trò cảm nghiệm được qua đó sẽ tự bỏ tức cho mình hoàn hảo.

Tại trung tâm thiền của chúng tôi có ba hạng nhập môn: hội viên, học viên và môn đệ, kèm theo trách nhiệm và nguyên tắc riêng biệt.

Hỏi: Trách nhiệm của một học viên là gì?

Đáp: Trách nhiệm hàng đầu là tin tâm vào vị thầy tức là không ngoài lòng chơn thật thủy chung như nhất, không chạy theo những vị Lạt-ma hay đạo sư khác. Sau khi làm thủ tục nhập môn, bạn hứa với chính mình và với vị thầy sẽ nỗ lực hết mình và thành thật dưới sự giáo dưỡng của vị ấy.

Hỏi: Không phải là nếu được học với hai giáo sư học viên sẽ tốt hơn sao?

Đáp: Thực ra anh ta sẽ khó tiến bộ. Không sớm thì chày chắc chắn anh ta sẽ rối mù, và sẽ lơ là cho đến khi giã từ cả hai vị thầy. “Bắt cá hai tay” sẽ vượt hết. Anh ta sẽ lạc lõng vì cả hai vị thầy chẳng chấp nhận anh ta là tín đồ nhiệt thành. Trò sao thì thầy vậy.

Ngay trong một pháp môn, các vị thầy cũng dùng nhiều cách dạy khác nhau, tùy theo sự huân tập mà chính họ đã nhận được, tùy theo cá tính và mức độ chứng ngộ. Vị thứ nhất nói một điều, vị thứ hai hình như nói ngược lại. Họ không mâu thuẫn, nếu cả hai đều khai mở tâm linh thì lời dạy của họ đều có giá trị. Nhưng những lời dạy bất nhất sẽ gây khó khăn cho kẻ sơ cơ, có thể làm họ thoái tâm nản chí.

Giữa các pháp tu với nhau sự mâu thuẫn lại càng rõ rệt. Giả sử bạn theo học cùng một lúc một thiền sư và một “Swami”

tức đạo sư Bà La Môn. Đạo sư sẽ dạy: “Chớ tham đắm thế gian, đó là ma giới (Maya), là phi thực, chỉ có Phạm Thiên (Brahma) là thực.” Nhưng thiền sư lại bảo: “Hãy dán thân vào thế gian sắc tướng hết cả thân tâm thì sẽ giải thoát.” Một người giác ngộ sẽ không lẩn tránh khó hiểu giữa hai lời dạy và sẽ dung hợp được cả hai. Nhưng kẻ sơ cơ sẽ lầm lạc - như một con tắc kè chui vào chần nệm người Ê-Cốt, không biết đường nào mà mò ra.

*

7. CHẴNG NÓI KHÔNG THIỀN CHỈ LÀ KHÔNG SƯ

Hỏi: Xin thầy hiểu cho, không phải chúng tôi vô lễ, nhưng tôi thắc mắc không biết đức tính của một thiền sư hay người dạy thiền ra sao?

Đáp: Tôi không phải thiền sư cũng không phải người dạy thiền, tôi không biết.

Hỏi: Vậy thầy đang làm gì, nếu không giảng dạy?

Đáp: Ta có thể thực sự dạy một điều gì cho ai không? Riêng ý tưởng đó đã phản ảnh một sự kiêu mạn quá đỗi.

Hỏi: Thầy trả lời hay quá!

Đáp: Trong “Vô Môn Quan,” một quyển sách về công án, có câu “Chưa bước chân đi đã đến rồi. Môi chưa hé mở đã nên lời.” Bạn hiểu không?

Hỏi: Dạ không. Nghĩa là gì?

Đáp: Nếu không có gì ở bên ngoài thì cần gì phải đi đâu và có gì cần tìm biết?

Hỏi: Nhưng tại Trung Tâm Thiền ở Rochester của thầy vẫn có học viên đó chứ?

Đáp: Tôi chỉ chia sẻ với họ những việc đã làm cho chính tôi.

Hỏi: Trong quyển Ba Trụ Thiền viết rằng thầy có đến ba vị thầy. Các vị ấy không dạy gì cho thầy à? Hình như thầy đã sống với các vị ấy mười ba năm. Thầy phải học được gì mới ở lại lâu như thế chứ?

Đáp: Nếu tôi có học được điều gì từ các vị ấy thì điều đó là không có gì để học. Vì vậy tôi không phải học thêm mà là giải trừ kiến thức. Tôi không tích thu mà loại bỏ biết bao ý kiến sai lạc, quan điểm lầm lẫn.

Hỏi: Tôi vẫn không hiểu tại sao thầy bảo là thầy không phải đạo sư.

Đáp: Câu chuyện sau đây sẽ giúp bạn hiểu. Một thiền sư bảo học nhơn rằng: “Nếu ta cứ mãi hành hương hết chùa này đến nọ, vô ích như các người thì không biết bây giờ ra sao? Người không biết là cả nước Trung Hoa không có thiền sư à?” Một vị tăng hỏi lại: “Sao lại không, trong khi hằng ngàn tăng chúng đang tu trong vô số tu viện?” Thiền sư đáp: “Chẳng nói không thiền chỉ là không sư¹.”

¹ Tác 11: Hoàng Bá bộn ăn hèm (Bích Nham Lục).

Hỏi: Đây là một công án chăng?

Đáp: Vâng, dành cho bạn đó!

*

8. TẠI SAO THIÊN SƯ TRẢ LỜI NGHE KHÓ CHỊU?

Hỏi: Tại sao các thiên sư không chịu khó giải thích cặn kẽ những vấn đề đã làm người hỏi băn khoăn thắc mắc? Trái lại các vị giải đáp thoạt nghe có vẻ tự tại ngang nhiên hoặc đôi khi dữ dằn?

Đáp: Bạn đang đói, tôi chỉ đưa bạn thực đơn, bạn có hết đói không?

Hỏi: Dĩ nhiên là không? Sao thầy lại hỏi như thế?

Đáp: Mọi lời giải thích, dù thật chi tiết và tinh tường đến đâu, chỉ nói lên một khía cạnh nhỏ bé về một cái gì đã dạng và vô lượng vô biên. Đã có sẵn đầu mà tôi còn gắn thêm đầu.

Hỏi: Đó ! Nói như vậy nghe thật là khó chịu.

Đáp: (Cười) Bạn không đùa đấy chứ?

Hỏi: Không, tôi nói chuyện đoàn hoàng.

Đáp: Có một học nhơn hỏi đạo sư: “Phật là gì?” Đạo sư đáp: “Ngươi là ai ?” Bạn cho đó là câu trả lời khó chịu à?

Hỏi: Vâng. Không phải chỉ có lời lẽ mà giọng điệu, có lẽ là giọng kẻ cả, bề trên, làm cho câu trả lời thành khó chịu. Dù là bậc thầy nếu có thể giải thích một cách dễ chịu thì sẽ phổ cập hơn.

Đáp: (Đưa tay lên trời và cười) Thiên không phải dành cho bạn!

*

9. NẾU NGƯỜI MỸ CỨ DÀNH THÌ GIỜ TỌA THIÊN NHỮNG XÃ HỘI HÙNG MẠNH SẼ TĂNG GIA SẢN XUẤT VÀ “ĐÈ BỆP” CHÚNG TA.

Hỏi: Trong thời gian thiền hội nghị, tôi thấy có nhiều hình ảnh trang hoàng trong hành lang giữa tòa nhà lớn và chánh điện thờ Phật. Tôi hỏi một hội viên thì được biết đó là mây và nước và được giải thích rằng tượng trưng cho những vị mới xuất gia. Trong nhà thiền những vị mới xuất gia hoặc là sa di thường gọi là “vân thủy” tức là “mây nước” có nghĩa trôi như mây và chảy như nước.

Thật là khó hiểu đối với tôi. Tôi là giám đốc một xí nghiệp, và tôi đến thiền hội này để tìm hiểu xem phương pháp tu thiền có giúp đỡ gì cho công nhân của tôi thêm tinh xảo và năng động. Đất nước ta (Hoa Kỳ) sẽ ra sao nếu bị buộc vào một triết lý trôi nổi như mây? Chuyện gì sẽ xảy ra đối với lãnh vực sản xuất thực phẩm chẳng hạn, mà phần lớn thế giới đang tùy thuộc, và những sản phẩm khác do chúng ta chế tạo cho chúng ta và cho nước khác? Nếu người Mỹ cứ dành thì giờ tọa thiền thay vì làm việc thì những xã hội hùng mạnh như Liên Xô và Trung Quốc sẽ sản xuất quá mức và “đè bẹp” chúng ta.

Đáp: Coi chừng chúng ta bị người Nhật “đề bẹp” chớ không phải người Nga hay Trung Quốc. Nhật là nước sản xuất lớn nhất Á châu, và theo báo Time (28-3-1977), lớn thứ nhì về sản phẩm trong khối Tây phương, chỉ đứng sau Hoa Kỳ.

Năm 1966, khi tôi rời Nhật Bản sau mười ba năm tu học, nhóm huynh đệ tu thiền làm tiệc giã từ. Lúc đó có một nhà doanh nghiệp, chủ một tổ hợp công ty lớn, đến gần tôi bảo nhỏ: “Thưa thầy, về đến Washington gặp Tổng Thống Johnson, thầy nói rằng người Nhật có một vũ khí bí mật có thể đánh thắng người Mỹ - Ủa, vậy sao? Vũ khí gì thế? - Thiền!”

Công ty của ông này, cũng như nhiều công ty Nhật khác hiện nay thường xuyên gửi nhân viên đến các thiền viện, không những chỉ nhằm khai triển tâm trí và kỷ luật tự giác, mà còn giúp cho họ hiểu rằng sự an lạc trong công việc không lệ thuộc vào chính công việc đó nhưng tùy vào tâm thái của họ suốt thời gian làm việc.

Hỏi: Tôi vẫn chưa hiểu ra làm sao “trôi lượn như mây bay” có ích lợi gì trong một xã hội hướng về khoa học kỹ thuật như xã hội chúng ta.

Đáp: Đồng ý, hãy bàn thêm. Theo bạn mây thì làm gì?

Hỏi: Mây thì bay, trôi... nhưng không lẽ con người cũng thả trôi như thế, sống không mục đích.

Đáp: Mây bành bồng tự do, nghĩa là không nghĩ suy, tụ đó rồi tan đó tùy theo điều kiện khí hậu và thiên nhiên. Nước thì hoàn cảnh nào cũng thích hợp, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Nhưng lúc nào cũng giữ nguyên vẹn bản thể của mình. Nước một lúc nào đó có thể biến thành hơi hoặc đóng thành băng tùy duyên bên ngoài, nhưng rốt cuộc vẫn luôn luôn là nước, sẽ xuôi theo dòng và không vật gì ngăn cản nó chảy về nguồn biển cả mênh mông. “Nước khoan nhượng tất cả và cũng chinh phục tất cả, nước không đánh mà thắng”, lời một cổ đức Trung Hoa.

Mây và nước tượng trưng cho thiền giả đã thuần thục, sống đời tự tại hờn nhiên, cộng thêm tính năng tùy thuận với ngoại duyên luôn thay đổi. Người như thế sống không ưu phiền ngăn ngại. Do đó tâm thiền sinh được gọi là “vân thủy”.

Hỏi: Có thể câu tôi hỏi thiền cận, nhưng thật sự tôi chẳng thấy mây với nước liên hệ như thế nào với lao động sản xuất.

Đáp: Sản xuất đòi hỏi năng lượng, và năng lượng lưu chuyển một cách tự do hơn khi người công nhân thuận theo dễ dàng với chướng duyên và hoàn cảnh thay đổi. Nếu bạn giam kín trong những khái niệm cứng ngắt cho rằng phải như thế và như thế, chắc chắn sẽ bùng nổ xung đột và hậu quả là phá hoại và tiêu tán năng lượng. Các giám đốc xí nghiệp phải làm gì nếu muốn biến công việc trong nhà máy thú vị hơn, mang lại tinh thần an lạc hơn cho công nhân?

Hỏi: Công ty chúng tôi đã thử cho đi học, chi trả hết mọi phí khoản cho công nhân học thiền xuất hồn, nhưng chẳng có kết quả gì lớn lao. Cũng có cho đi học về tâm lý và những phương pháp tự luyện khác.

Đáp: Đối với thiền, những thứ đó chỉ là vá vúi tạm bợ, vì luyện tập như thế chỉ trên ngọn trên cành, không thấu đến gốc rễ, giống như treo chiếc cầu bằng giấy ngang qua hồ thẳm giữa người công nhân và việc làm của họ. Chừng nào người lãnh đạo không biết thích nghi công việc với nhu cầu nhân tính của công nhân, mà chỉ đẩy mạnh sao cho công nhân tuân theo sự đòi hỏi của máy móc, thì người công nhân sẽ không thể nào là một với công việc của họ. Họ chỉ biết làm việc để được lợi nhuận cho chính mình và gia đình, và họ sẽ đánh mất mình. Nói cách khác, người lãnh đạo phải biết cách làm sao cho công việc đem thêm an lạc hạnh phúc đến công nhân bằng cách lôi kéo tâm lòng và trí óc của công nhân chứ không phải chỉ có tay chân và năng lực phản xạ của dây thần kinh. Về phía công nhân, họ phải học chứng nghiệm công việc xem như phương tiện giải thoát cho mình.

Hỏi: Theo thầy, giải thoát là sao?

Đáp: Giải thoát khỏi ràng buộc vào cái ngã, vào khái niệm hư vọng về một thực thể riêng biệt gọi là “cái tôi”. Nhìn theo Thiền thì lao động có ý nghĩa sâu xa hơn việc sản xuất ra của

cải vật chất và phục vụ lợi ích xã hội. Nói đúng thì đó là cỗ xe giác ngộ cho mỗi người. Nhưng nếu lao động hoàn thành được chức năng này, người công nhân phải tập xem công việc của mình không phải là bực bội hay dễ chịu, bởi vì nếu phán đoán như thế ta sẽ lùi bước hay tách mình khỏi công việc. Họ cũng cần học cách chú tâm toàn vẹn vào công việc, không được dòm ngó - đúng hơn không để tư tưởng tách họ ra khỏi công việc. Được như thế công việc hiển nhiên là một sự thanh lọc tâm thức hết những tư tưởng phiêu lưu và ngoại cuộc, tịnh hóa tâm thức hết độc tố ứ ể nhiễm. Như vậy lao động thể hiện tâm chân chánh, sáng tạo và năng động. Đó là sự cao quý đích thực của lao động. Lao tác như thế trong Thiền gọi là lao tác cho chính mình.

Hỏi: Làm việc cho mình đồng thời cho tập thể xí nghiệp chắc chắn ai ai cũng hài lòng!

Đáp: A-men.

*

10. KHÔNG TU CÓ GIÁC NGỘ KHÔNG?

Hỏi: Thưa thầy, có khi nào giác ngộ đến thành linh, tự nhiên? Cái gì thúc đẩy giác ngộ và giác ngộ khác với chứng ngộ thiền ra sao?

Đáp: Nói đúng hơn, loại ngộ nào cũng đều đốn ngộ, vì đến thành linh giống nước sôi bùng lên, nhưng trước đó nói chung là có sự tu tập lâu dài từng bước nên gọi là tiệm tu. Khi nói rằng “tự nhiên” có phải bạn muốn ám chỉ giác ngộ đến không cần tu tập?

Hỏi: Vâng.

Đáp: Vấn đề là “Mức độ chính xác của cái mạo xưng là ngộ tự nhiên sẽ đi đến đâu?” Mười hai năm qua, tôi trải nghiệm khoảng hơn chục người đạt ngộ thì chỉ có một trường hợp ngộ mà không qua tu tập. Cho dù như thế, nếu không hành trì, sự chuyển biến do ngộ vẫn không đáng kể, bởi vì bản thân ta vẫn chưa đủ năng lực chứng ngộ, và theo thời gian ngộ chỉ còn là một kỷ niệm đáng quý, “ngồ ngộ”.

Nếu ta nghiên cứu hành trạng các vị thực sự thâm ngộ thì sẽ thấy rằng mỗi trường hợp đạt ngộ đều xảy đến sau khi tìm tòi dò dẫm. Chính sự không hài lòng liên tục dai dẳng về một đời sống kéo lê hay nỗi lo sợ bắt nguồn từ một chấn động tâm linh đã khơi dậy sự tìm tòi này.

Hỏi: Tại sao có người ngộ nhanh, có người ngộ chậm?

Đáp: Không có gì khác ngoài nghiệp. Lực đẩy giải thoát mạnh hay yếu tùy người. Các thiền sư từng nói: “Pháp tu đạt ngộ nhanh nhất là vật lộn với “khối nghi”. Trong thiền “nghi” không chỉ đơn giản là nghi ngờ một câu đố tối nghĩa phải đề

khởi nghi vấn liên tục, không được lơ lửng dừng nghỉ, ví như câu: “Phật và chư Tổ thường nói thế giới vốn toàn thể thanh tịnh tại sao phiền não vây quanh?” Nếu bạn có lòng tin kiên cố vào Phật và Tổ, bạn phải làm sao giải quyết mâu thuẫn giữa niềm tin chân lý và dữ kiện từ các giác quan. Tùy theo cường độ xoay sâu và xoáy mạnh vào nỗi thắc mắc bản khoản và sức dũng mãnh trong việc tìm tòi mà ngộ sẽ đến nhanh hoặc chậm.

Sự tìm tòi này chính là tọa thiền. Và nếu bạn kiên trì nỗ lực, đặt hết sinh mạng vào đấy thì sẽ không còn việc gì khác để làm. Một thiền sư đã nói: “Người muốn đạt ngộ giống như rơi xuống giếng sâu, trong đầu chỉ nghĩ một việc duy nhất từ sáng đến chiều là làm sao ra khỏi giếng”. Nhưng có mấy ai hành đạo được như thế? Đếm trên đầu ngón tay. Thầy dạy Thiền cơ bản không gì khác ngoài việc cố gắng kích thích nghi vấn càng lúc càng mãnh liệt để kết thành khối nghi, nếu như trò không tự kết được. Điều kiện tối cần thiết ban đầu là lòng tin không lay chuyển rằng sẽ đập tan khối nghi và khẳng quyết mãnh liệt là sẽ làm được việc đó. Thiền sinh khát ngưỡng thực sự tự ngộ thông thường sẽ nhận một công án. Nếu anh ta tham cứu miên mật - và sự dần thân của anh ta tùy theo cường độ cảm nhận nỗi khổ cố hữu gắn chặt với đời sống và mức độ khao khát giải thoát có cấp bách hay không - thì sẽ giác ngộ. So với pháp tu khác, tham công án sẽ dẫn đến ngộ nhanh hơn vì khơi dậy và tập trung vào khối nghi.

Hỏi 2: Ở trường đại học tôi học triết để tìm hiểu xem các nhà thông thái nghĩ gì về sự hiện hữu con người, và tôi muốn biết ý nghĩa cuộc đời mình ra sao. Việc học này chẳng những không dẫn đến ngộ mà trên mặt trí thức vẫn không thỏa đáng.

Đáp: Bạn đã đặt câu hỏi về sự hiện hữu con người như thế nào? Như một đũa trề hiểu kỳ hay với tất cả tâm tư? Hỏi trên tri thức thì sẽ nhận trả lời trên tri thức; trả lời như thế sẽ không chuyển hóa cuộc đời bạn. Chỉ khi nào tận đáy lòng bạn gào lên: “Tôi phải, tôi muốn, tôi sẽ tìm cho ra!” thì sẽ nhận được câu trả lời thỏa đáng. Đó là ngộ trong ý nghĩa thâm sâu nhất, hỏi và đáp không phải là hai. Hỏi và đáp là hai vì lý trí phân biệt, chia chẻ cái bất khả phân.

Tôi xin kể một trường hợp ngộ tự nhiên của một anh lính ở Brooklyn, Nữ Uớc. Qua lớp sơ cấp, anh ta chẳng học hành gì thêm, cũng không hướng đến đời sống tâm linh hay tôn giáo. Trong thế chiến thứ hai, anh bị điều đến vùng Thái Bình Dương, chứng kiến biết bao trận đánh nhau, và khi chiến tranh chấm dứt anh kiệt quệ một cách kinh khủng.

“Trở về Brooklyn, tôi không làm việc nổi cũng chẳng thể vui chơi giải trí. Tất cả đối với tôi đều vô nghĩa. Đầu tôi quay cuồng với thắc mắc: Đâu là chân lý?” Anh ta đã kể như thế. *“Tôi chưa hề học triết và không theo tôn giáo. Thắc mắc không hiểu đến từ lúc nào và ra sao, nhưng tôi không thể buông bỏ được. Đi trên đường phố, đầu óc vẫn lờn vờn: Đâu là chân lý? Bị câu hỏi*

nuốt chững, có khi tôi đụng vào người khác hay chạm vào vách tường mà không hay. Ban đêm câu hỏi cũng không buông tha. Có khi thức giấc vào lúc hai hay ba giờ sáng, việc đầu tiên xuất hiện trong đầu là: Đây là chân lý? Tình trạng này kéo dài khoảng sáu tháng. Rồi một ngày trong tôi bùng nổ: một niềm vui lớn tràn đầy. Câu hỏi bay mất, và tôi làm việc trở lại như mọi người. Lúc đó tôi có cảm tưởng như mình có sức mạnh có thể nhảy qua một bức tường ba thước!

Tình trạng này kéo dài khoảng bốn tháng, và sau đó bị phá hỏng vì một câu hỏi khác đến ám ảnh: Cái gì đã xảy ra? Niềm vui và sức mạnh này qua không bình thường đối với mình? Tôi bắt đầu cảm thấy không ổn vì trước đó đã thấy mình quá khỏe khoắn và thoải mái. Bạn bè và gia đình đều bảo tôi đến bác sĩ tâm thần để trị bệnh, vì họ nghĩ rằng tôi đã bị chấn động quá mạnh trong cuộc chiến và có thể đây là dấu hiệu bệnh lý trầm trọng. Bác sĩ điều trị cho những cựu chiến binh rất lưu ý về trường hợp của tôi. Họ cho tôi đi thử nghiệm, uống thuốc và thăm vấn tôi mỗi ngày, bắt tôi kể lại kỷ niệm trong cuộc chiến, những chi tiết trong cuộc sống sau chiến tranh khi trở về Mỹ.

Tôi được ở trong một căn phòng riêng, và đặc biệt hơn mọi bệnh nhân khác, tôi được phép tự do đi lại khắp nơi trong bệnh viện. Tôi điều trị như thế một tháng trời. Sau đó tôi nổi sùng vì không chịu nổi tấn tuồng khô hài này, tôi hỏi bác sĩ: 'Tôi phải ở lại đây đến bao lâu? Chừng nào bác sĩ mới quyết định bệnh của tôi?' Họ trả lời là ngày mai sẽ có cuộc họp chẩn đoán, và kết

quả tôi đã trải qua một chứng nghiệm về tu hành. Tôi cũng chẳng hiểu tu về cái gì và theo pháp tu nào, nhưng vì nôn nóng rời khỏi bệnh viện nên tôi chẳng đếm xỉa gì đến kết quả chẩn đoán y học đó. Và sự việc giâm chân tại đấy. Sau đó, có lẽ là mười năm, một người bạn đưa tôi quyển Ba Trụ Thiên, tôi mới hiểu việc gì đã xảy đến cho tôi: tôi đã kinh nghiệm về kiến tánh hoặc là ngộ”.

Hỏi 1: Theo thầy người lính đó có phải đã đạt chánh ngộ?

Đáp: Trước khi đến thiền hội ở Rochester, anh ta đã viết thư kể chuyện như tôi đã trình bày. Sau thiền hội, cả hai chúng tôi đã cùng nhau nhắc lại những dữ kiện, nhất là điều gì trực tiếp dẫn đến sự “bùng nổ” và cảm giác của anh về tai biến này. Tôi đã quan sát thật kỹ khuôn mặt và cử chỉ của anh ta mỗi lần sống lại những giây phút chứng nghiệm. Đôi mắt anh sáng rực lên, điều mà suốt thời gian thiền hội không bao giờ tôi nhận thấy. Anh nói với tôi: *“Tôi thấy như vừa mới lọt lòng mẹ, sống như một đứa trẻ. Câu hỏi, thắc mắc gì cũng tiêu tan hết. Lần đầu tiên khi giã từ vũ khí tôi có được một nguồn năng lực thật hùng mạnh. Sau đó, từ từ niềm vui tươi sáng tan biến và nguồn siêu năng lực cũng biến mất. Tôi biết tọa thiền là hay, nhưng tọa thiền có mang đến nguồn vui đó hay không?”*

Tôi cho anh biết là nên quên đi nguồn vui đó, hãy tọa thiền đều đặn, hãy tỉnh giác trong đời sống hằng ngày và chú tâm vào công việc, anh sẽ được sáng suốt, có sức sống dồi dào

manh mẽ và lòng biết ơn vô cùng. Điều này sẽ ảnh hưởng đến đời sống của anh tích cực hơn trạng thái xuất thần trong quá khứ.

Hỏi: Thầy có bằng lòng về trường hợp ngộ này hay không?

Đáp: Không. Tôi đồng ý là anh đã chứng nghiệm đúng như thế, nhưng đã nhiều năm trôi qua, và giờ đây chỉ còn là kỷ niệm đẹp. Nếu lúc đó anh có tu tập để giữ vững và xoáy sâu chứng ngộ này, như thế anh sẽ trả lời với tôi khác hơn.

Hỏi 1: Niềm vui từ sự chứng ngộ có lâu bền không?

Đáp: Nếu là chánh ngộ thì lâu bền. Ta cần phải tọa thiền để có sức định hầu có thể sống với cái nhìn mới mẻ này vì tập khí sẽ không ngừng kéo ta lui về khuôn mẫu xưa cũ.

Bạn có biết chuyện Diễn Nhã Đạt Đa một hôm bất chợt nhìn trong gương không thấy đầu, liền hốt hoảng ôm đầu chạy tìm đầu. Cái đầu tượng trưng cho tự tánh của chúng ta. Tìm ra được tự tánh là ngộ. Nếu gặp lại cái gì chưa từng mất mà vui mừng thì có phải kỳ cục không? Sự thực là sau khi ngộ, dù tự nhiên hay không, ta không thể sống tự tại bình thường nếu cứ mãi chìm đắm trong cái xuất thần lạ lùng đó.

Hỏi: Giả sử người lính đó có kinh nghiệm quá sâu đậm và đau thương về cuộc chiến, rồi sau đó biết tọa thiền, thì có thể giúp anh ta mau chứng ngộ và duy trì lâu bền?

Đáp: Có thể. Có một bác sĩ trong nhóm tọa thiền ở Nhật bị động viên thời gian cuối thế chiến thứ hai. Ông thấy binh lính chết quá nhiều, có khi cả tuần ông không ngủ để săn sóc thương binh.

Sau chiến tranh ông không thể trở lại ngành y vì nghĩ rằng làm thầy thuốc để cứu sống mạng người làm chi vì trước sau gì họ cũng phải chết? *“Một người bạn khuyên tôi học thiền, và tôi trở thành đệ tử của lão sư Yasutani. Suốt ba năm tôi tinh tấn tọa thiền, niềm tin vững chắc cộng với lời sách tấn của vị thầy. Tôi tham dự nhiều lần khóa tu tiếp tâm, và một ngày trong tôi bùng nổ, những ý tưởng về khổ và chết tiêu tan, về những việc khác cũng không còn. Tôi nhận ra rằng bề ngoài thì có sống chết, nhưng đồng thời trong chân tâm chẳng hề sanh diệt”*. Ông đã kể với tôi như trên. Và tôi hỏi ông có tìm được câu giải đáp cho nỗi ám ảnh làm thầy thuốc để làm chi hay không. Ông trả lời: *“Vì tôi là bác sĩ!”*

11. CÁI GÌ CON SỐNG SAU KHI CHẾT?

Hỏi: Gần đây có nhiều cuộc nghiên cứu và người ta có viết sách về đời sống sau cái chết. Tuy nhiên nhiều người vẫn hoài

ngghi vì không đủ chứng cứ khoa học. Thiền nói gì về sự tiếp nối mạng sống sau khi chết và hình thể như thế nào?

Đáp: Còn phải hỏi, sanh trụ dị diệt không phải là những hiện tượng tự nhiên sao? Ai con nghi ngờ tức phủ nhận những dữ kiện phát xuất từ các giác quan, lý trí, trực giác thâm sâu nhất. Bạn hỏi sau khi thân hoại thì sức sống, năng lượng ẩn sau các hoạt động cấu tạo bản ngã, sẽ ra sao? Định luật bảo tồn năng lượng bảo rằng năng lượng sẽ không mất đi đâu hết, mà chỉ biến đổi từ dạng này sang dạng khác, như vậy sức sống không thể nào mất hẳn được.

Hỏi: Tôi cũng muốn tin như thế. Nhưng có người chết nào sống trở lại để nói sự thể ra sao không?

Đáp: Trong phòng này không có một người nào mà không tái sanh, cả ngàn lần không chùng! Mạng sống nào cũng tái sanh sau khi chết.

Hỏi: Thầy không đùa đấy sao?

Đáp: Bộ kỳ lạ lắm sao? Voltaire bảo nên sanh hai lần hơn là một.

Hỏi 2: Thầy có thể nói cho biết kiếp sau của tôi ra sao?

Đáp: Đừng hỏi tôi, chỉ cần nhìn vào tấm gương.

Hỏi 2: Là sao?

Đáp: Phật dạy, muốn biết kiếp trước - tức nhơn - hãy nhìn hiện tại - tức quả; muốn biết kiếp sau - tức quả - hãy nhìn nhơn hiện tại. Nói cách khác, những gì bạn nghĩ và hành động hiện tại sẽ quyết định đời sau của bạn. Hãy cẩn trọng!

Hỏi 3: Có nhiều chuyện về người đã tắt thở nhưng sau đó sống lại và họ đã tả kinh nghiệm đẹp để biết bao khi ra khỏi cái thân, do đó đã hối hận khi nhập lại thân xác đau khổ này.

Hỏi 4: (Nói với Hỏi 3) Ông muốn nói những người tìm ngừng đập và kể như hết sống trong một thời gian ngắn rồi sau đó hồi sinh. Thật khác hẳn những người đã chết mang đi chôn hay hỏa thiêu ra tro.

Đáp: Cho phép tôi nói về những kinh nghiệm ngoài thân. Kể lại một ngày đẹp để chỉ là giai đoạn đầu. Ai không biết tu có thể sẽ sợ hãi, hốt hoảng vì bị nghiệp báo. Từng giai đoạn đã được tả kỹ trong hai bộ luận của ngài Thế Thân ở thế kỷ thứ tư. Quyển Tử Thư Tây Tạng đã dựa trên hai bộ luận này.

Hỏi 5: Tại sao cần phải tu ? Đọc sách hay học hỏi không đủ sao?

Đáp: Nếu trong cảnh giới trung gian giữa chết và sống bạn gặp những hình ảnh ma quỷ kinh khiếp thì những gì bạn đã đọc có giúp ích gì không?

Nhưng nếu bạn tu thiền, mỗi lần ngồi thiền thấy ảo ảnh ảo giác kiểu này kiểu nọ, lặp đi lặp lại, và đều được thầy của bạn cắt nghĩa tại sao và chỉ cách hóa giải, tức là qua thực nghiệm bạn đã học được cách thức để không sợ, và thực nghiệm này sẽ đi đến cứu bạn đắc lực trong khoảng thời gian hiện hữu sau khi chết. Và nếu cứ tập tu như thế, sự chấn động của cái chết sẽ khó nhiễu loạn tâm thức.

Hỏi 6: Cảnh giới trung gian này có phải là “bardo” trong Tử Thư Tây Tạng không?

Đáp: Vâng.

Hỏi 6: Xin thầy nói thêm về sự hiện hữu trung gian này.

Đáp: Theo ngài Thế Thân, đối với thân trung ấm này lý trí, tình thức và ý muốn đều có tính chất rất là vi tế, kể cả tri giác hay cảm thọ. Và giống như một luồng điện, nó có khả năng xuyên qua vật chất và di chuyển cả trăm dặm cùng một lúc.

Hỏi 7: Thời gian bao lâu để đi tái sanh?

Đáp: Thông thường trong thời gian bốn mươi chín ngày, nhưng không phải cố định, có người một ngày, một tuần hoặc có khi nhiều năm. Thời điểm tái sinh, ngoài những yếu tố khác, chắc chắn có ái lực về nghiệp của đương sự đối với cha mẹ.

Trong Phật giáo sanh tử có hai loại: liên tục và phần đoạn. Liên tục là trong mỗi một phần triệu giây có tế bào cũ chết đi và tế bào mới sinh ra. Do đó một người sáu mươi tuổi không phải là người lúc ba mươi tuổi. Như vậy đang sống mà chết và chết mà vẫn sống. Ngoài ra thờ vào đã sanh, thờ ra đã tử.

Còn sống chết phần đoạn là khối thân xác này cùng với sự vận hành có rồi mất từng đời một. Khi qua đời sức sống hoặc nghiệp thức và nghiệp lực sẽ chuyển sang thân trung ấm, và thân này sẽ sanh và tử theo hai kiểu kể trên trong từng thời kỳ bảy ngày để chờ cơ hội (duyên) thụ thai.

Hỏi 7: Nghiệp lực chuyển sang thân trung ấm như thế nào?

Đáp: Thầy tôi thường lấy ví dụ như là đóng con dấu xuống bùn. Kiếp hiện tại là con dấu, thân trung ấm là bùn và nghiệp lực là hình vẽ trên con dấu. Đóng dấu tức là toàn bộ khuôn mẫu nghiệp đã in ấn hết xuống bùn.

Hỏi 7: Phải có một chất liệu gì đó được chuyển sang kiếp sau. Nếu không thì làm sao kiếp sau tùy thuộc vào việc làm của kiếp trước được?

Đáp: Tái sinh không có nghĩa di chuyển một chất liệu, mà là tiếp tục một tiến trình vận hành. Tái sinh - lời Phật dạy - tùy theo hai nguyên do: cận tử nghiệp và tích lũy nghiệp. Ý nghĩ cuối cùng (cận tử) chỉ ra phương hướng, và hành động suốt một đời (tích lũy) là nền tảng đi tái sinh. Ý nghĩ cuối cùng chấm dứt là chết và ý nghĩ đầu tiên phát sanh là tái sinh.

Hỏi 10: Đối với thiền sư, khi tịch thì ai lo tang lễ?

Đáp: Thường là một chức sắc, ngang hàng hoặc tương đương.

Hỏi 10: Nhưng thiền sư đã chứng ngộ thì cần gì phải tang lễ theo nghi thức?

Đáp: Ngộ không phải là trạng thái tĩnh mà có thể lan truyền đến vô tận. Tang lễ và nghi thức tôn giáo biểu lộ lòng tôn kính và biết ơn đối với người quá vãng, đồng thời củng cố và kéo dài mối liên hệ giữa người tạ thế và người còn sống.

Hỏi 11: Nếu như ta mang vào đời sau tất cả những gì đã học được, tại sao khi tái sinh phải học lại để nắm lại mối tương quan với thế giới sự vật?

Đáp: Trả lời câu hỏi này cần phải giải thích chi tiết. Theo Phật giáo toàn thể vũ trụ chỉ là thức, không gì hiện hữu ngoại tâm. Tâm thức chia ra chín tầng. Sáu tầng đầu là cái thấy, cái

nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc chạm và ý nghĩ. Cái thấy gồm nhãn căn (con mắt), vật nhìn thấy và nhãn thức. Ý nghĩ gồm bộ óc, tư tưởng và tiến trình tư duy, bốn cái kia cũng vậy. Toàn bộ sáu quan năng này cấu tạo sáu tâm thức cá nhân đặt trên kinh nghiệm, là vật chất và tinh thần, có sanh có hoại. Thức thứ 7, 8, và 9 không hoại với thân thể xác thịt. Thức thứ 7 (mạt-na) là cái biết tỉnh sáng lưu tồn.

Tất cả dữ kiện trong sáu thức đầu đều được thức thứ 7 truyền tổng vào thức thứ 8 tên là tàng thức (a-lại-da). Mỗi một hành động hay cảm giác đều được ghi nhận vào tàng thức tức khắc. Thức thứ 9 (a-lại-da tuyệt đối), còn gọi là Bạch tịnh thức, là bản thể chơn tánh của chính mình. Thức thứ 9 gắn chặt với thức thứ 8 đến nỗi không có sự phân biệt nào giữa hai thức. Thức thứ 9 có thể dụ như biển cả vô biên trong đó mỗi con người là một lượn sóng.

Trên một phương diện nào đó thức thứ 8 tức tàng thức tích chứa kinh nghiệm, là nền tảng nhân cách và tính tình con người, vì từ đó phát xuất hành động, sinh khởi ý tưởng cùng với thái độ, ứng xử. Nhưng ngược lại ý tưởng và ứng xử sẽ biến cải tính chất của tàng thức vì ý tưởng và ứng xử sẽ in dấu liên tục vào tàng thức để trở thành những chủng tử mới. Nghiệp - tức hành động và phản ứng - sẽ phát triển song song với chủng tử tập khí tích lũy theo đúng lý nhân quả và tạo thành hành động - những hành động này là quả (của chủng tử này) đồng thời là nhân (của chủng tử mới).

Tiến trình này tuy có từng đoạn từ nhân đến quả nhưng lại liên tục không dứt. Ngài Thế Thân mô tả như một “dòng thác liên tục” (bộc lưu): chủng tử gây ra hành động hiện tại, hành động hiện tại in dấu lại tạo ra chủng tử mới, lập thành một hình tam giác, nhân và quả là một.

Dù nhân tính của mình kéo dài đến đời sau, dưới dạng nghiệp thức, gồm đủ khuynh hướng tính tình, năng khiếu v.v... nhưng trong con người thông thường không nhận biết được ký ức của đời trước với những dự kiện liên hệ. Tất cả đều chôn vùi trong tiềm thức A-lại-da, từ đó có thể trôi lên thức hiểu biết thứ 7. Do đó khi còn nhỏ phải học lại để gia nhập thế giới sự vật. Biết bao đứa trẻ cảm thấy xa lạ trong thế giới lạ lùng này.

Hỏi 11: Tuy nhiên có một số khôn trước tuổi, hay là thần đồng. Tại sao vậy.?

Đáp: Những đứa trẻ này mang những dữ kiện vào đời sau với ký ức của đời trước mạnh hơn. Chúng có trí khôn hay sức hiểu biết nhạy bén nên không cần phải học hỏi nhiều.

Hỏi 12: Trong quyển Ba Trụ Thiên, thầy cho biết đức Phật từ chối không trả lời những câu hỏi sau khi chết sẽ ra sao vì không liên quan đến giác ngộ hay sự tu tập. Tại sao thầy hành động khác với đấng Giáo Chủ vậy?

Đáp: Nếu bạn đọc kỹ đoạn đó thì sẽ biết về các bậc thánh - tức là những vị siêu xuất chớ không phải phạm nhân như đang đề cập. Phật dạy: “Những danh xưng như “bất Lai”, “sinh lại hai lần”, tái sanh và vô sanh đều không đúng hẳn... Bậc thánh (trong tứ quả thanh văn) đã giải thoát khỏi danh tướng thì bất khả tư nghì, giống như đại dương vô lượng vô biên”.

Tuy nhiên bạn có lý. Chẳng qua là lòng tốt của tôi đôi khi không nhằm chỗ, đây là tâm lão bà tha thiết khi đề cập đến sự hiện hữu sau khi chết. Điều quan trọng là chính bạn phải xác định hiện tại bạn là gì hơn là tìm hiểu chết rồi sẽ ra sao. Và cũng vì lý do đó tôi đã sai lầm khi nghĩ rằng có thể truyền đến bạn tinh thần Thiền đích thực trong khung cảnh này.

Nhưng tình cảnh đi ngược lại ý tôi. Học viên đến trung tâm Thiền ở Rochester đầu trần, mũ cầm tay, có thể nói như vậy. Họ thật khiêm hạ và cởi mở vì họ tôn trọng oai quyền của tôi, họ chấp nhận cách xử sự của tôi hoặc họ ra đi. Nếu họ không cảm nhận nhu cầu bức thiết biến cải cuộc đời của mình thì họ đã không đến đây. Nhu cầu đó cộng với tính khiêm hạ và rộng mở đã khiến tôi đủ sức giúp đỡ họ.

Nhưng đứng trước các bạn, sinh viên và giáo sư, tôi nói chuyện trước một cử tọa hầu như chỉ có tò mò, hiếu kỳ về Thiền. Tôi bắt buộc phải đối đáp trong bầu không khí của tư biện thạc học chớ không thuần túy Thiền. Giả sử như tôi từ chối không trả lời câu hỏi về tái sanh luân hồi và im lặng trước

những câu không thể tiến xa được. Giáo sư S. người đã mời tôi đến đây, sẽ bảo là không trả thù lao được. Ông có thể nói: “Tôi cúng dường Trung Tâm Thiền không phải để thầy cầm điếu trước cửa tọa.” Hoặc là nếu tôi kích bác bản ngã của các bạn thì ông có thể bảo: “Tôi không mời thầy đến đây để nhục mạ và lợi dụng sinh viên.”

Hỏi 12: Trong sách của thầy nói là Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn đến Hoa bằng tàu - chắc là một chiếc tuần dương lớn (cười). Tổ có vẽ phiêu lưu nhiều hơn thầy khi đến hội nghị này.

Một tiếng nói: Tại sao Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa?

Đáp: Bất thức.

*

12. TỰ MÌNH THAM CỨU CÔNG ÁN ĐƯỢC KHÔNG?

Hỏi: Sáng nay thầy bảo một mình không tham công an được, trừ phi có thầy chỉ bảo. Tại sao vậy?

Đáp: Cám ơn đã đặt câu hỏi này. Tôi cũng đang muốn đề cập đến. Để tham cứu công án được thành tựu cần phải có lòng khao khát cao độ và khả năng chuyên chú mạnh mẽ. Chỉ có thầy của bạn là đầy đủ vị thế để xác định việc này. Công án nào cũng quan trọng không hơn kém. Trước khi giao công án,

thầy phải phỏng vấn trò thật cặn kẽ và chính xác để chọn tiêu đề thích hợp nhất. Khi tham công án trò phải kể cặn với thầy, nhất là thời gian đầu.

Thông thường thầy giao công án cho trò trong khóa tu tiếp tâm, vì với ba lần đọc tham hằng ngày sẽ giúp trò khởi sự tham một cách vững chãi và dững mãnh. Ngoài ra trong khóa tu tiếp tâm mỗi ngày đều có thời Pháp thoại thay đổi theo từng công án rất lợi ích.

Hỏi: Thưa thầy, nói một cách tương đối, công án VÔ dể hay khó?

Đáp: Cả hai. Dể có nghĩa là đáp án luôn luôn ngay đó, và khó nghĩa là cần có thời gian xét xem cái gì chọc vào mắt mình.

*

TIỂU SỬ PHILIP KAPLEAU

Sanh năm 1912 tại Hoa Kỳ. Giữa năm 1945 làm phóng viên tòa án tại Nuremberg, Đức. Buồn nản và thất vọng vì dân tình thời đó vẫn còn kích động và hung bạo mặc dầu chiến tranh đã chấm dứt. Họ đã ném cà chua và trứng thối vào vị mục sư lãnh đạo tinh thần tối cao của nước Đức lúc bấy giờ, khi ngài khuyên bảo sám hối tội lỗi. “Một xứ sở phát sinh biết bao thi hào, triết gia, nhạc sư lỗi lạc mà tại sao trái tim con người vẫn

ác độc?” Cứ mãi bán khoán như thế nên đến tháng thứ chín, khi vụ án sắp kết thúc, ông xin chuyển công tác sang Nhật.

Khác hẳn không khí căng thẳng cay đắng ở Nuremberg, Tokyo vẫn an bình và nghiêm nghị rất đáng kính, vì người Nhật, trong cái chung, biết khứng chịu hậu quả của chiến tranh. Tại sao vậy? Vì họ nhìn nhận luật nhân quả nghiệp báo. Biết được nguyên nhân ông liền hỏi thăm để tìm học về nghiệp, tức học Phật. Người ta giới thiệu ông đến D.T. Suzuki, lúc bấy giờ ở trong một thiền viện tại Kamakura (chùa Viên Giác).

Năm 1950 Suzuki qua Mỹ và đã làm nổ quả “bom Thiền” ở Tây phương. Kapleau khi trở về Mỹ năm 1948, là một sinh viên của Suzuki ở đại học Columbia. Nhưng sự học tuy có mở mang kiến thức vẫn không giải tỏa được nỗi bất an, nên năm 1953 ông trở lại Nhật và ở đó tu thiền cho đến năm 1966, xuất gia với lão sư Yasutani, được thầy ấn chứng và về Mỹ mở thiền đường ở Rochester, Нью Ước.

(Trích dịch từ Zen Emerging East and West của P.Kapleau)

PHẬT TÁNH

DAISETZ T. SUZUKI

Nếu bạn hỏi tôi² giải thích cái mà bạn gọi là đốn ngộ (satori-événement) và bảo tôi lý giải giữa hằng giác (satori-état) và đốn ngộ, tôi sẽ nói rằng: “Mỗi người chúng ta, không có trường hợp ngoại lệ - mọi chúng sanh và ngay cả mọi loài hữu tình – đều ở trong hằng giác.

Tất cả chúng ta đều ở trong hằng giác, nhưng lại không biết đến. Chúng ta không nhận thấy không khí bao trùm quả đất, nhưng khi có gió thổi, sự chuyển động của không khí làm cho ta cảm nhận sự hiện diện của không khí mà trước đó chúng ta đã không nhận ra vì không khí không chuyển động và đang dừng nghỉ. Luồng gió đó, chấn động đó, chính là đốn ngộ, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy. Khi mọi vật đang dừng nghỉ thì đang ở trong hằng giác. Nhưng một chuyển động tâm linh đặc biệt sẽ gây ra đốn ngộ. Đây không phải là một đột biến thông thường. Đột biến này có thể xảy đến cho một người vào một cơ may nào đó, nhưng cũng cần phải có sự chuẩn bị.

Chúng ta hãy lấy ví dụ trên cuộc đời của đức Phật. Đức Phật buông bỏ hết dục lạc thế gian, đi vào rừng và học đạo với

² Bài diễn giảng của D. T. Suzuki tại Trung Tâm Vệ-đà ở Gretz (Pháp) tháng 8/1953.

những bậc thầy lỗi lạc nhất vào thời đó. Nhưng sự học này là tri thức, tiếp thu với lý trí, và việc học này không mang đến cho ngài niềm tin về sự hiện hữu của thực tại.

Do đó ngài không hài mãn về những cuộc thảo luận triết lý đó. Ngài lại lui vào rừng tu khổ hạnh. Ngài nghĩ rằng “Khi chúng ta tham đắm vào thân, tâm trí sẽ quên mất mục đích, và một tâm thức bận rộn và mê mờ không thể đạt đến mục tiêu.” Vì thế ngài giảm thiểu một cách tối đa những nhu cầu của thân: ngủ thật ít, ăn thật ít và tiếp tục ngồi, bất động trong những thời tọa thiền không ngắt. Nhưng ngài đã không mãn nguyện bởi vì, nếu như những nhu cầu của thân giảm thiểu từ từ, thì sức khỏe cũng giảm sút theo đó; ngài không còn đứng dậy nổi khỏi chỗ ngồi vì quá kiệt sức. Chính trong sự sống mà con người đạt đến Giác Ngộ và Viên Mãn; do đó sự sống phải được bảo toàn đàng hoàng, và điều này không thể thực hiện được nếu ta giảm thiểu những nhu cầu sống còn. Vì thế ngài ăn uống trở lại. Nhưng lòng khao khát đạt đạo vẫn tồn tại. Ngài chưa biết đó là điều gì, chỉ biết đó là một nỗi khao khát nội tâm.

Sự học tri thức tỏ ra chưa đủ, cả đến sự ép xác cũng chưa đủ. Nhưng lòng khao khát vẫn còn đó. Ngài cảm thấy lo âu nhiều vì sự học tri thức cũng như khổ hạnh đã không thỏa mãn được nỗi khao khát đó. Ngài không biết phải làm sao. Ngài không còn biết phải tu trì cách nào. Ngài thôi không học theo lối tri thức nữa - lãnh vực của trò chơi chủ thể với khách thể - sự phân hai này không thể nào đưa đến trạng thái an tâm.

Nếu chúng ta cố trở thành toàn hảo về mặt đạo đức, ta sẽ

đặt một bên con người muốn có đạo đức toàn bích, và bên kia là sự toàn bích. Như thế sự toàn bích sẽ không bao giờ đạt được, vì khi chúng ta đạt đến một trình độ đạo đức toàn bích nào đó, từ trình độ này sẽ dẫn đến một trình độ cao hơn, toàn bích hơn nữa. Chúng ta sẽ không bao giờ toàn bích cả. Sẽ không bao giờ đạt được lý tưởng khi nào người đi tìm sự toàn bích và chính sự toàn bích còn phân hai.

Sự phân thực tại ra hai thứ đối lập - chủ thể và khách thể, người nghĩ về một chuyện và chính chuyện đó, người đặt câu hỏi và chính câu hỏi - sự phân hai đó, khi nào còn tồn tại, sẽ ngăn chặn mọi khả năng giác ngộ.

Nhưng, lẽ dĩ nhiên, mọi điều trên chỉ là lý luận. Và đức Phật thì không lý luận, ngài chỉ có cảm nhận một sự thôi thúc nội tâm mà ngài chưa rõ thực chất là gì. Ngài không còn hy vọng nữa. “Nơi mà không còn hy vọng nữa, là cơ may của Chúa,” người Thiên Chúa Giáo nói như thế. Người Thiên Chúa Giáo tách biệt giữa Chúa và con người; do đó họ nói đến sự mất hết hy vọng và cơ may của Chúa. Nhưng theo quan điểm của Đông phương trên sự vật, chúng ta không nhìn nhận thế giới của hiện tượng.

Đức Phật không phí thì giờ trong những biện luận như thế. Ngài chỉ có khao khát và lòng khao khát này đã không thỏa mãn một chút nào. Khi trạng thái này xảy đến, ta ra khỏi ý thức thường tình và tính tương đối. Đức Phật chú tâm vào nỗi khao khát thúc bách này đến nỗi quên mình trong sự tham cứu và biến mình thành sự tham cứu đó. Sự tham cứu không có cách

nào tách rời khỏi ngài nữa, ngài không còn cảm thấy khao khát nữa, do đó Ngài hợp nhất với nỗi khao khát. Điều mà ngài tư duy lại chính là ngài và không còn là ý tưởng của ngài nữa. Dĩ nhiên là ngài không nói ra mọi sự như tôi vừa nói, chính tôi bình và giảng như trên.

Khi trạng thái tâm thức này xuất hiện, tư tưởng đi đến sự hòa đồng, sự cân bằng, hay đúng hơn là một sự đồng nhất trong bản tánh. Chữ cân bằng ngụ ý đến tính đa dạng và tính hài hòa của vạn vật, nhưng trong trường hợp của đức Phật không nên hiểu cân bằng theo nghĩa đó. Cân bằng là đồng trong bản tánh. Đồng nhất cũng không đúng nữa, nếu ta muốn nói những vật này đồng nhất với vật khác.

Đối với đức Phật, không có sự phân biệt giữa người tham cứu và đối tượng tham cứu. Ngài hòa nhập vào trạng thái đồng bản tánh tuyệt đối. (Dùng thuật ngữ hòa đồng tư tưởng, tâm tịch tịnh toàn mãn hoặc tâm Bồ Đề là để lý giải về tâm lý). Nhưng cần phải có một đột biến nào đó, tức là ngộ (satori) để hiện thực tâm thái trên. Do đó, dù tâm thái đồng bản tánh nằm sẵn trong mỗi người chúng ta vẫn cần phải ngộ, đột biến đặc biệt đó chính là đốn ngộ hoặc chứng ngộ (satoi-experience). Và khi đã xảy ra, chúng ta nhận biết là chúng ta đang ở trong trạng thái giác ngộ.

Vì thế người ta kể rằng khi đức Phật giác ngộ, ngài phát biểu rằng: “Lạ thay, ai cũng có bản tánh của Như Lai” - mọi vật, không phải chỉ là loài hữu tình, mà ngay cả đất đá vô tình và mọi loài trên thế gian này không chứa một ai. Tất cả đều là

Phật nhưng không tự nhận biết, tất cả cần phải chứng ngộ để nhận biết hiện trạng đó.

Một vị tăng hỏi một thiền sư:

- Tôi có Phật tánh không?

Sư đáp:

- Không.

Tăng hỏi tiếp:

- Tôi nghe nói mọi vật đều có Phật tánh... tại sao tôi lại không có?

Sư nhắc lại:

- Sâu bọ, muông thú, cỏ cây, đất đá... tất cả đều đó có Phật tánh trừ ông.

Vị môn đệ bèn thắc mắc:

- Tại sao tôi lại không?

Sư trả lời:

- Vì ông khởi tâm hỏi.

Có câu hỏi chứng tỏ vị tăng không nhận biết là mình đang có đầy đủ Phật tánh. Sự nhận biết này, sự tỉnh ngộ này, là đột biến quan trọng nhất có thể xảy đến, và chỉ xảy đến cho loài người. Như thế, chúng ta nói mọi vật, kể cả vật chất, đều có sẵn Phật tánh, nhưng phải là con người mới hội được điều này.

*